

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015**

Hà Nội, tháng 8 năm 2015

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên**

**Chức vụ**

Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó chủ tịch	(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 05 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên	
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên	
Ông Nguyễn Phú Dũng	Ủy viên	(Từ nhiệm theo Nghị quyết 02 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 31/03/2015)

**Ban Tổng Giám đốc**

Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Họ và tên**

**Chức vụ**

Ông Trần Huy Tường	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	(Thôi giữ chức theo Nghị quyết 03 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 01 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 27/03/2015)
Ông Đỗ Nguyên An	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm theo Nghị quyết 04 NQ/2015/PH-HĐQT ngày 28/05/2015)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

---

**Trần Huy Tường**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015*

Số: 521 /2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015  
của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

**Kính gửi:**           **Các Cổ đông**  
                          **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
                          **Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, được lập ngày 28/08/2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

---

**Vũ Ngọc Ân**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

---

**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2013-075-1

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>493.903.386.593</b>	<b>416.884.726.269</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>44.148.566.399</b>	<b>9.036.144.254</b>
1. Tiền	111	5.1	44.148.566.399	9.036.144.254
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>234.198.778.014</b>	<b>141.766.575.008</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	163.940.584.350	105.462.992.865
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	31.341.399.540	8.082.725.135
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	40.608.430.450	29.912.493.334
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.691.636.326)	(1.691.636.326)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>214.170.669.644</b>	<b>260.953.687.352</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	214.170.669.644	260.953.687.352
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.385.372.536</b>	<b>5.128.319.655</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.080.670.981	89.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	304.701.555	5.128.121.662
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	-	108.138
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>210.078.418.970</b>	<b>126.134.081.279</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.247.974.022</b>	<b>15.678.388.779</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	14.247.974.022	15.678.388.779
- Nguyên giá	222		31.210.076.840	32.743.379.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.962.102.818)	(17.064.990.997)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		30.590.000	30.590.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.590.000)	(30.590.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>174.985.802.000</b>	<b>88.985.802.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.12	128.261.160.000	11.525.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.13	46.000.000.000	76.736.160.000
3. Đầu tư tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	724.642.000	724.642.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.844.642.948</b>	<b>21.469.890.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	20.844.642.948	21.469.890.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>703.981.805.563</b>	<b>543.018.807.548</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MÃU B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>548.203.681.277</b>	<b>387.821.623.623</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>548.203.681.277</b>	<b>387.821.623.623</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	130.978.988.907	110.572.847.144
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	67.130.127.389	67.968.799.793
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	7.566.723.142	4.075.211.137
4. Phải trả người lao động	314		2.770.233.077	2.471.231.685
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	3.495.649.263	2.326.525.345
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	126.276.280.931	38.784.421.623
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	209.823.794.851	160.827.430.670
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		161.883.717	795.156.226
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>155.778.124.286</b>	<b>155.197.183.925</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>155.778.124.286</b>	<b>155.197.183.925</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	109.999.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.999.770.000	109.999.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.063.367.327	2.063.367.327
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.823.935.058	3.118.377.996
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.337.021.271	4.461.637.972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		105.647.172	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.231.374.099	4.461.637.972
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>703.981.805.563</b>	<b>543.018.807.548</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MÃU B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	422.406.007.449	156.132.940.482
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		422.406.007.449	156.132.940.482
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	402.441.370.368	148.720.308.998
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>19.964.637.081</b>	<b>7.412.631.484</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	631.621.215	159.618.045
7. Chi phí tài chính	22	5.24	6.541.571.399	6.348.580.430
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.934.578.401</i>	<i>6.128.760.005</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	51.300.775
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.009.559.350	6.215.088.488
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	<b>30</b>		<b>6.045.127.547</b>	<b>(5.042.720.164)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.25	6.271.599.987	1.750.904.731
12. Chi phí khác	32	5.25	5.755.258.499	642.684.437
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>516.341.488</b>	<b>1.108.220.294</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40)	<b>50</b>		<b>6.561.469.035</b>	<b>(3.934.499.870)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	1.330.094.936	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5.231.374.099</b>	<b>(3.934.499.870)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	480	(361)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
			VND	VND
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		437.238.547.354	247.192.399.564
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(335.256.535.755)	(244.217.643.268)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.905.612.094)	(14.962.092.216)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6.913.445.393)	(4.566.891.164)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.323.139.521)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.676.176.772	5.853.656.090
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.087.880.512)	(10.249.958.884)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>69.428.110.851</b>	<b>(23.950.529.878)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(65.454.545)	(93.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		407.474.748	716.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.700.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.700.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(86.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.316.438.960	159.618.045
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(82.341.540.837)</b>	<b>782.118.045</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		287.800.347.086	171.330.998.003
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(239.773.982.905)	(164.140.088.703)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(512.050)	(7.168.313.635)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>48.025.852.131</b>	<b>22.595.665</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>35.112.422.145</b>	<b>(23.145.816.168)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>9.036.144.254</b>	<b>30.897.832.512</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.1</b>	<b>44.148.566.399</b>	<b>7.752.016.344</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phương Hiền

Ngô Thị Minh Nguyệt

Trần Huy Tường

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số doanh nghiệp là 0101311315, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PHUC HUNG HOLDINGS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PHUC HUNG HOLDINGS., JSC

Vốn điều lệ của Công ty là 109.999.700.000 đồng.

Các Cổ đông lớn của Công ty tại 30/06/2015:

<b>Các Cổ đông lớn</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị cổ phần (VND)</b>
Ông Nguyễn Quang Vinh	1.580.000	15.800.000.000
Ông Cao Tùng Lâm	1.178.929	11.789.290.000
Ông Nguyễn Đức Thắng	649.470	6.494.700.000
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PHC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà HH2, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 148 người (tại ngày 31/12/2014 là 142 người).

#### **Các chi nhánh của Công ty:**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long  
Địa chỉ: Tháp B, phòng 1912, CT2, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings  
Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Me Kong Tower, số 235-241 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Miền Nam  
Địa chỉ: Số 680 đường Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng tàu.

#### **Các Công ty con của Công ty:**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng
- Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng

#### **Công ty liên doanh:**

- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp là 0101311315 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/12/2014, hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
- Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp);
- Thiết kế Công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu: đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống, điều hòa không khí, điện lạnh;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);  
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Trong 6 tháng đầu năm 2015: Công ty chủ yếu thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty con</b>			
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	XD dân dụng và công nghiệp	55%	55%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	XD dân dụng và công nghiệp	40%	51%
- Công ty CP Thương mại Phục Hưng	XD dân dụng và công nghiệp; SX và KD TM	65%	65%
- Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	Xây lắp và kinh doanh BĐS	100%	100%

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty liên kết</b>			
- Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	Xây lắp và kinh doanh BĐS	50%	50%
- Công ty CP Bất động sản Nghệ An	Xây lắp và kinh doanh BĐS	40%	40%
<b>Các Chi nhánh trực thuộc</b>			
- CN Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Miền Nam	XD dân dụng và công nghiệp		
- Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings	XD dân dụng và công nghiệp		
- Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long	XD dân dụng và công nghiệp		

### 1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.4), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

##### Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

##### Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Nhóm tài sản**

**6 tháng đầu năm 2015**  
**Thời gian khấu hao**  
**(số năm)**

Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Phần mềm kế toán của Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng là 3 năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ, dụng cụ loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua căn hộ chung cư tại CT2 Trung Văn và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (gọi tắt là “liên doanh”) được phân bổ vào khoản mục “hàng hóa bất động sản” (giá mua các sản phẩm của dự án từ liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà liên doanh đã bán cho Công ty.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.  
Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:
- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.  
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.  
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính : Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	446.377.228	222.923.235
Tiền gửi ngân hàng	43.702.189.171	8.813.221.019
<b>Tổng</b>	<b>44.148.566.399</b>	<b>9.036.144.254</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>163.940.584.350</b>	<b>105.462.992.865</b>
Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH	20.062.762.569	23.340.201.765
Công ty TNHH Five Star Kim Giang	22.975.002.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Phục Hưng	20.052.925.545	3.371.680.734
Phải thu các đối tượng khác	100.849.894.236	78.751.110.366
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>	<i>20.052.925.545</i>	<i>3.520.156.541</i>
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng số 3	-	148.475.807
Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Phục Hưng	20.052.925.545	3.371.680.734
<b>Tổng</b>	<b>163.940.584.350</b>	<b>105.462.992.865</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Xây lắp giao thông công chính	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP TM Thái Hưng	3.487.068.795	-
Phải thu các đối tượng khác	22.854.330.745	3.082.725.135
<b>Tổng</b>	<b>31.341.399.540</b>	<b>8.082.725.135</b>

**5.4 Phải thu khác**

	<b>30/06/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.608.430.450</b>	-	<b>29.912.493.334</b>	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng (*)	2.805.199.855	-	6.065.017.600	-
Công ty CP Cơ giới và Xây dựng Thăng Long (**)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (**)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng số 3 (Cổ tức)	275.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng số 7 (Cổ tức)	300.000.000	-	-	-
Phải thu các cá nhân khác	4.120.667.821	-	5.725.022.332	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	61.200.000	-	35.400.000	-
Tạm ứng	28.546.362.774	-	13.587.053.402	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>40.608.430.450</b>	-	<b>29.912.493.334</b>	-

*Đơn vị tính: VND*

(\*) Lợi nhuận được chia theo thông báo của Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng.

(\*\*) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long lần lượt theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDHTDT và số 103/HDHTDT về việc Đầu tư Xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ - huyện Đông Anh - TP Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.5 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.691.636.326	-	1.691.636.326	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Xây lắp Hoá chất H36	-	-	-	580.816.870
Công ty Sông Đà 8.09 và 8.07	-	-	-	819.530.655
Công ty cơ giới	-	-	-	137.622.838
Các khách hàng khác	-	-	-	153.665.964

**5.6 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	168.184.200	-
Công cụ, dụng cụ	76.922.454	-	90.445.454	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	209.212.166.901	-	253.975.430.769	-
Hàng hoá	4.881.580.289	-	6.719.626.929	-
<b>Tổng</b>	<b>214.170.669.644</b>	<b>-</b>	<b>260.953.687.352</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.080.670.981</b>	<b>89.855</b>
Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.080.670.981	89.855
<b>Dài hạn</b>	<b>20.844.642.948</b>	<b>21.469.890.500</b>
Chi phí Công cụ dụng cụ	1.977.697.823	2.530.838.237
Chi phí thuê Văn phòng HH2 (*)	2.730.286.270	2.765.882.044
Chi phí thuê sàn thương mại CT2 (**)	1.910.761.364	1.947.272.728
Chi phí mua quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh	14.225.897.491	14.225.897.491
<b>Tổng</b>	<b>21.925.313.929</b>	<b>21.469.980.355</b>

(\*) Công ty thuê 523 m2 văn phòng tại tầng 3 - Toà nhà HH2 - Phường Yên Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội trong vòng 50 năm.

(\*\*) Công ty thuê mặt bằng sàn tầng 5 Tòa nhà The Light theo HĐ thuê mặt bằng số 02/HĐKT/CT2/2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.8 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	304.701.555	5.128.121.662
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	108.138
<b>Tổng</b>	<b>304.701.555</b>	<b>5.128.229.800</b>

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	22.896.353.082	6.210.304.855	3.495.721.839	141.000.000	32.743.379.776
Tăng trong kỳ	65.454.545	-	93.000.000	-	158.454.545
Mua mới trong kỳ	65.454.545	-	93.000.000	-	158.454.545
Giảm trong kỳ	-	1.009.772.182	681.985.299	-	1.691.757.481
Thanh lý, nhượng bán	-	1.009.772.182	681.985.299	-	1.691.757.481
Số dư tại 30/06/2015	<b>22.961.807.627</b>	<b>5.200.532.673</b>	<b>2.906.736.540</b>	<b>141.000.000</b>	<b>31.210.076.840</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	9.998.701.159	5.703.030.255	1.273.265.643	89.993.940	17.064.990.997
Tăng trong kỳ	1.100.769.217	181.758.799	18.588.759	7.500.000	1.308.616.775
Khấu hao trong kỳ	1.100.769.217	181.758.799	18.588.759	7.500.000	1.308.616.775
Giảm trong kỳ	-	729.519.655	681.985.299	-	1.411.504.954
Thanh lý, nhượng bán	-	729.519.655	681.985.299	-	1.411.504.954
Số dư tại 30/06/2015	<b>11.099.470.376</b>	<b>5.155.269.399</b>	<b>609.869.103</b>	<b>97.493.940</b>	<b>16.962.102.818</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	12.897.651.923	507.274.600	2.222.456.196	51.006.060	15.678.388.779
Tại ngày 30/06/2015	<b>11.862.337.251</b>	<b>45.263.274</b>	<b>2.296.867.437</b>	<b>43.506.060</b>	<b>14.247.974.022</b>

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 30/06/2015 là 2.285.577.741 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 30/06/2015 lần lượt là 24.810.696.359 đồng và 12.806.167.005 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.10 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>30.590.000</b>	<b>30.590.000</b>
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2015</b>	<b>30.590.000</b>	<b>30.590.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>30.590.000</b>	<b>30.590.000</b>
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2015</b>	<b>30.590.000</b>	<b>30.590.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 30/06/2015	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HUNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/06/2015			01/01/2015		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>128.261.160.000</b>			<b>11.525.000.000</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	55%	55%	3.025.000.000	(*)	-	3.025.000.000	(*)	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	40%	51%	2.000.000.000	(*)	-	2.000.000.000	(*)	-
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	65%	65%	6.500.000.000	(*)	-	6.500.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	100%	100%	116.736.160.000	(*)	-	-	(*)	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			<b>46.000.000.000</b>			<b>76.736.160.000</b>		
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic	30%	30%	-	(*)	-	30.736.160.000	(*)	-
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	50%	50%	42.000.000.000	(*)	-	42.000.000.000	(*)	-
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	40%	40%	4.000.000.000	(*)	-	4.000.000.000	(*)	-
<b>Đầu tư tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			<b>724.642.000</b>	(*)	-	<b>724.642.000</b>	(*)	-
<b>Tổng</b>			<b>174.985.802.000</b>	-	-	<b>88.985.802.000</b>	-	-

(\*) Tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.12 Đầu tư vào Công ty con**

Đơn vị tính: VND

Công ty Con	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000	3.025.000.000	275.000	3.025.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	-	116.736.160.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.125.000</b>	<b>128.261.160.000</b>	<b>1.125.000</b>	<b>11.525.000.000</b>

Thông tin chi tiết về các Công ty con tại ngày 30/06/2015 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư tại 30/06/2015 VND	Ngành nghề kinh doanh
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi...
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 (*)	Hà Nội	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...
3	Công ty CP Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Buôn bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng. Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (Xây dựng công trình công nghiệp), sản xuất bê tông...
4	Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng (**)	Hà Nội	100%	116.736.160.000	Xây dựng nhà các loại, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, hoàn thiện các công trình XD và chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ sản giao dịch bất động sản; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

#### 5.12 Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)

(\*) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này. Do đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là Công ty con của Công ty (Trước năm 2007).

(\*\*) Trong kỳ Công ty tiến hành mua lại 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nhà Viettel đang sở hữu tại Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic, với tổng giá trị mua theo hợp đồng theo hợp đồng chuyển nhượng vốn số 001/HĐCNVG-KDN-PH/2014 ký ngày 31/12/2014 là 86.000.000.000 đồng, kể từ thời điểm 01/01/2015 Phục Hưng Holdings kiểm soát toàn bộ hoạt động của Viettel Hancic, đến thời điểm 11/05/2015 Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic được cấp thay đổi đăng ký lần thứ 7 chuyển đổi tên thành Công ty TNHH kinh doanh nhà Phục Hưng.

#### 5.13 Đầu tư vào Công ty liên kết

Theo Nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04/01/2009, Công ty mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic), trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 05/11/2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền 30.736.160.000 đồng vào khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh", phần còn lại ghi nhận vào khoản mục "chi phí trả trước dài hạn".

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung đầu tư	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic	-	-	-	30.736.160.000
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	2.100.000	42.000.000.000	2.100.000	42.000.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	400.000	4.000.000.000	400.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>2.500.000</b>	<b>76.736.160.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.14 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

Nội dung đầu tư	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị VND
Góp vốn vào Công ty CP Kiến Trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Mua Cổ phần của Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam	1.332	24.642.000	1.332	24.642.000
<b>Tổng</b>	<b>71.332</b>	<b>724.642.000</b>	<b>71.332</b>	<b>724.642.000</b>

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng số 7	22.684.918.087	22.684.918.087	18.197.268.430	18.197.268.430
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại KYCONS	11.538.290.194	11.538.290.194	19.449.177.471	19.449.177.471
Phải trả người bán khác	96.755.780.626	96.755.780.626	72.926.401.243	72.926.401.243
<b>Tổng</b>	<b>130.978.988.907</b>	<b>130.978.988.907</b>	<b>110.572.847.144</b>	<b>110.572.847.144</b>

**Trong đó:**

<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>32.801.396.847</b>	<b>32.801.396.847</b>	<b>52.311.057.401</b>	<b>52.311.057.401</b>
Công ty Cổ phần Thương Mại Phục Hưng	6.193.648.181	6.193.648.181	19.875.965.872	19.875.965.872
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng số 3	3.922.830.579	3.922.830.579	14.237.823.099	14.237.823.099
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng số 7	22.684.918.087	22.684.918.087	18.197.268.430	18.197.268.430

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP ĐT XD và KT Vinaconex	25.800.000.000	-	-	-
LOTTE MART Vũng Tàu	11.660.000.000	-	11.660.000.000	-
Nguyễn Vũ Hưng	7.400.000.000	-	-	-
Trả trước của các đối tượng khác	22.270.127.389	-	56.308.799.793	-
<b>Tổng</b>	<b>67.130.127.389</b>	<b>-</b>	<b>67.968.799.793</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
Thuế giá trị gia tăng	2.630.020.456	48.020.387.180	44.587.092.467	6.063.315.169
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	825.907.056	825.907.056	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	750.824.596	750.824.596	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.323.139.521	1.330.094.936	1.323.139.521	1.330.094.936
Thuế thu nhập cá nhân	122.051.160	191.710.718	140.448.841	173.313.037
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>4.075.211.137</b>	<b>51.122.924.486</b>	<b>47.631.412.481</b>	<b>7.566.723.142</b>

**5.18 Chi phí phải trả**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.495.649.263</b>	<b>2.326.525.345</b>
Trích trước chi phí xây lắp	3.495.649.263	2.326.525.345
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>3.495.649.263</b>	<b>2.326.525.345</b>

**5.19 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>126.276.280.931</b>	<b>38.784.421.623</b>
Kinh phí công đoàn	727.961.759	804.041.254
Bảo hiểm xã hội	573.246.867	371.567.171
Phải trả Cổ tức	4.388.592.425	33.113.675
Phải trả, phải nộp khác	120.586.479.880	37.575.699.523
+ Phải trả các Đội xây dựng công trình	29.562.073.665	29.278.191.665
+ Các khoản phải trả khác	5.024.406.215	8.297.507.858
+ Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	86.000.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>126.276.280.931</b>	<b>38.784.421.623</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HUNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>209.823.794.851</b>	<b>209.823.794.851</b>	<b>448.097.777.756</b>	<b>399.101.413.575</b>	<b>160.827.430.670</b>	<b>160.827.430.670</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	206.064.494.851	206.064.494.851	444.688.477.756	397.592.113.575	158.968.130.670	158.968.130.670
Các khoản vay khác của cá nhân (2)	3.759.300.000	3.759.300.000	3.409.300.000	1.509.300.000	1.859.300.000	1.859.300.000
<b>Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>209.823.794.851</b>	<b>209.823.794.851</b>	<b>448.097.777.756</b>	<b>399.101.413.575</b>	<b>160.827.430.670</b>	<b>160.827.430.670</b>

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/36032/HĐTD ngày 02/07/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/36032/HĐTD ngày 10/03/2015 giữa Công ty CP XD Phục Hưng Holdings và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô. Mức dư nợ tối đa là: 206.700.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thời hạn rút vốn: hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất áp dụng theo từng HĐTD ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố bằng TS của bên vay hoặc bên thứ 3 theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa bên vay/bên thứ 3 với Ngân hàng. Giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay; Toàn bộ số dư TK tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.
- (2) Các khoản vay khác theo từng hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết với các pháp nhân và cá nhân khác, hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất từng hợp đồng dao động từ 10%/năm đến 12%/năm hoặc biến động theo dự thỏa thuận giữa 2 bên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.21 Vốn chủ sở hữu****a. Chi tiết chủ sở hữu của Công ty:**

Các Cổ đông lớn	Số Cổ phần và tỷ lệ sở hữu vốn			Vốn thực góp tại
	Số cổ phần	(VND)	(%)	30/06/2015 (VND)
Ông Nguyễn Quang Vinh	1.580.000	15.800.000.000	14,36%	15.800.000.000
Ông Cao Tùng Lâm	1.178.929	11.789.290.000	10,72%	11.789.290.000
Ông Nguyễn Đức Thắng	649.470	6.494.700.000	5,90%	6.494.700.000
Bà Tô Thanh Thủy	600.000	6.000.000.000	5,45%	6.000.000.000
Bà Trịnh Minh Tâm	501.900	5.019.000.000	4,56%	5.019.000.000
Các Cổ đông khác	6.489.678	64.896.780.000	59,00%	64.896.780.000
<b>Tổng</b>	<b>10.999.977</b>	<b>109.999.770.000</b>	<b>100%</b>	<b>109.999.770.000</b>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	109.999.770.000	109.999.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	109.999.770.000	109.999.770.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>512.050</b>	<b>7.168.313.635</b>

**c. Cổ phiếu**

	Tại 30/06/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>10.999.977</b>	<b>10.999.977</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	10.939.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>110.000</b>	<b>110.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	110.000	110.000
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.889.977</b>	<b>10.889.977</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	10.829.977
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần*

Số cổ phần bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu từ năm 2003.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d. Biến động vốn Chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>109.999.770.000</b>	<b>36.600.598.130</b>	<b>2.063.367.327</b>	<b>(1.046.567.500)</b>	<b>1.921.154.201</b>	<b>844.088.570</b>	<b>154.668.276</b>	<b>150.537.079.004</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	-	<b>1.197.223.795</b>	<b>353.135.225</b>	<b>4.461.637.972</b>	<b>6.011.996.992</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	4.461.637.972	4.461.637.972
Phân loại lại theo TT200	-	-	-	-	1.197.223.795	-	-	1.197.223.795
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	353.135.225	-	353.135.225
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	<b>1.197.223.795</b>	<b>154.668.276</b>	<b>1.351.892.071</b>
Phân loại lại theo TT200	-	-	-	-	-	1.197.223.795	-	1.197.223.795
Trích lập các quỹ từ LN	-	-	-	-	-	-	154.668.276	154.668.276
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>109.999.770.000</b>	<b>36.600.598.130</b>	<b>2.063.367.327</b>	<b>(1.046.567.500)</b>	<b>3.118.377.996</b>	-	<b>4.461.637.972</b>	<b>155.197.183.925</b>
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>109.999.770.000</b>	<b>36.600.598.130</b>	<b>2.063.367.327</b>	<b>(1.046.567.500)</b>	<b>3.118.377.996</b>	-	<b>4.461.637.972</b>	<b>155.197.183.925</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-	<b>5.231.374.099</b>	<b>5.231.374.099</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	5.231.374.099	5.231.374.099
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	<b>294.442.938</b>	-	<b>4.355.990.800</b>	<b>4.650.433.738</b>
Chi cổ tức 2014	-	-	-	-	-	-	4.355.990.800	4.355.990.800
Chi quỹ	-	-	-	-	294.442.938	-	-	294.442.938
<b>Số dư tại 30/06/2015</b>	<b>109.999.770.000</b>	<b>36.600.598.130</b>	<b>2.063.367.327</b>	<b>(1.046.567.500)</b>	<b>2.823.935.058</b>	-	<b>5.337.021.271</b>	<b>155.778.124.286</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.22 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	419.770.473.023	151.255.846.456
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.977.270	1.943.564.304
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	1.784.557.156	2.933.529.722
<b>Tổng</b>	<b>422.406.007.449</b>	<b>156.132.940.482</b>

**5.23 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	400.253.873.009	144.612.380.474
Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ	473.205.976	1.224.852.543
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở	1.714.291.383	2.883.075.981
<b>Tổng</b>	<b>402.441.370.368</b>	<b>148.720.308.998</b>

**5.24 Doanh thu/ Chi phí hoạt động tài chính**

<b>Số dư với các bên liên quan</b>	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b><u>Các khoản phải thu</u></b>	<b>20.052.925.545</b>	<b>3.520.156.541</b>
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	20.052.925.545	3.371.680.734
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	-	148.475.807
<b><u>Các khoản phải trả</u></b>	<b>32.801.396.847</b>	<b>52.401.057.401</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	3.922.830.579	14.327.823.099
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	22.684.918.087	18.197.268.430
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	6.193.648.181	19.875.965.872
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	86.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.25 Thu nhập khác / Chi phí khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Phí sử dụng thương hiệu của các Công ty con	149.569.289	338.214.127
Thu thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	516.565.657	560.000.000
Thu từ cho thuê thiết bị	873.249.847	-
Thu từ các khoản chi hộ Công ty con	3.917.656.470	-
Thu nhập khác	814.558.724	852.690.604
<b>Tổng</b>	<b>6.271.599.987</b>	<b>1.750.904.731</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý TSCĐ, Công cụ dụng cụ	349.260.107	-
Chi phí cho thuê thiết bị	737.571.232	-
Chi phí chi hộ các Công ty con	3.917.656.470	-
Chi phí khác	750.770.690	642.684.437
<b>Tổng</b>	<b>5.755.258.499</b>	<b>642.684.437</b>
<b>Lãi (lỗ) từ hoạt động khác</b>	<b>516.341.488</b>	<b>1.108.220.294</b>

**5.26 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.561.469.035</b>	<b>(3.934.499.870)</b>
<i>Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>	<i>6.561.469.035</i>	<i>(3.933.652.836)</i>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	59.417.036	42.000.000
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	575.000.000	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường</b>	<b>6.045.886.071</b>	<b>(3.891.652.836)</b>
<b>Lợi nhuận từ chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở</b>	<b>-</b>	<b>(847.034)</b>
Thuế suất áp dụng hiện hành	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành</b>	<b>1.330.094.936</b>	<b>-</b>

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.231.374.099</b>	<b>(3.934.499.870)</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.231.374.099</b>	<b>(3.934.499.870)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.889.977	10.889.977
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>480</b>	<b>(361)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.781.261.552	929.524.909
Chi phí nhân công	19.083.079.646	6.952.508.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.566.079.268	850.601.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.502.020.102	167.322.163.077
Chi phí khác bằng tiền	6.616.206.595	1.149.948.598
<b>Tổng</b>	<b>147.548.647.163</b>	<b>177.204.746.722</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b><u>Giao dịch bán hàng</u></b>		
<b><i>Doanh thu</i></b>	<b>18.818.713.760</b>	<b>648.355.134</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	90.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	481.529.289	648.355.134
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	18.247.184.471	-
<b><i>Thu nhập khác</i></b>	<b>4.197.892.425</b>	<b>835.112.195</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	196.887.619	167.422.442
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	1.694.937.505	358.061.302
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	2.306.067.301	309.628.451
<b><u>Giao dịch mua hàng</u></b>		
<b><i>Chi phí thuê phụ</i></b>	<b>141.391.109.720</b>	<b>74.762.713.477</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	2.166.663.275	17.609.663.600
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	75.772.203.709	49.364.210.829
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	63.452.242.736	7.788.839.048
<b><u>Giao dịch khác</u></b>		
<b><i>Cổ tức</i></b>	<b>3.834.817.745</b>	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	300.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	3.259.817.745	-
<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>30/06/2015 VND</b>	<b>01/01/2015 VND</b>
<b><u>Các khoản phải thu</u></b>	<b>20.052.925.545</b>	<b>3.520.156.541</b>
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	20.052.925.545	3.371.680.734
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	-	148.475.807
<b><u>Các khoản phải trả</u></b>	<b>32.801.396.847</b>	<b>52.401.057.401</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	3.922.830.579	14.327.823.099
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	22.684.918.087	18.197.268.430
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	6.193.648.181	19.875.965.872
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phục Hưng	86.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)***Giao dịch với các nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao	169.040.816	102.000.000
Hội đồng Quản trị	Tiền lương	317.504.764	-
Ban Tổng Giám đốc	Tổng thu nhập	693.848.613	522.667.251

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng và Công nghiệp, các loại hình khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, do đó báo cáo bộ phận không tách nhỏ thành các hoạt động, số liệu chi tiết cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: VND***Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015:***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>		
Tài sản cố định	14.247.974.022	14.247.974.022
Các khoản phải thu	234.198.778.014	234.198.778.014
Hàng tồn kho	214.170.669.644	214.170.669.644
Tài sản không phân bổ	-	241.364.383.883
<b>Tổng tài sản</b>	<b>462.617.421.680</b>	<b>703.981.805.563</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
Các khoản phải trả	338.379.886.426	338.379.886.426
Phải trả tiền vay	209.823.794.851	209.823.794.851
Nợ phải trả không phân bổ	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>548.203.681.277</b>	<b>548.203.681.277</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015:***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>		
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	422.406.007.449	422.406.007.449
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác		
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>422.406.007.449</b>	<b>422.406.007.449</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	19.964.637.081	19.964.637.081
Chi phí tài chính phân bổ	6.541.571.399	6.541.571.399
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.045.127.547	6.045.127.547
<i>Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD</i>	<i>516.341.488</i>	<i>516.341.488</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.561.469.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.330.094.936
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>		<b>5.231.374.099</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

#### 6.3 Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

##### Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.148.566.399	9.036.144.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.857.378.474	133.683.849.873
Đầu tư dài hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>247.005.944.873</b>	<b>142.719.994.127</b>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	209.823.794.851	160.827.430.670
Phải trả người bán và phải trả khác	257.255.269.838	149.357.268.767
Chi phí phải trả	3.495.649.263	2.326.525.345
<b>Tổng</b>	<b>470.574.713.952</b>	<b>312.511.224.782</b>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về cả giá hàng hóa.

##### Rủi ro về giá

###### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp chủ yếu là trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực quản lý xây dựng và sản xuất phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

##### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các vốn của Chủ sở hữu nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>30/06/2015</b>			
Các khoản vay	209.823.794.851	-	209.823.794.851
Phải trả người bán và phải trả khác	257.255.269.838	-	257.255.269.838
Chi phí phải trả	3.495.649.263	-	3.495.649.263
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2015</b>			
Các khoản vay	160.827.430.670	-	160.827.430.670
Phải trả người bán và phải trả khác	149.357.268.767	-	149.357.268.767
Chi phí phải trả	2.326.525.345	-	2.326.525.345

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.148.566.399	-	44.148.566.399
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.857.378.474	-	202.857.378.474
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.036.144.254	-	9.036.144.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.683.849.873	-	133.683.849.873
Đầu tư dài hạn	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.4 Thông tin so sánh**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán đầu kỳ cụ thể như sau:

<b>Khoản mục trên Bảng CĐKT</b>	<b>Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC</b>	<b>Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b><u>Tài sản</u></b>			
Phải thu ngắn hạn khác	16.290.039.932	29.912.493.334	13.622.453.402
Tài sản ngắn hạn khác	13.622.453.402	-	(13.622.453.402)
Đầu tư dài hạn khác	724.642.000	-	(724.642.000)
Tài sản dài hạn khác	-	724.642.000	724.642.000
<b><u>Nguồn vốn</u></b>			
Vay và nợ ngắn hạn	160.827.430.670	-	(160.827.430.670)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	160.827.430.670	160.827.430.670
Quỹ đầu tư phát triển	1.921.154.201	3.118.377.996	1.197.223.795
Quỹ dự phòng tài chính	1.197.223.795	-	(1.197.223.795)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán và kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**Người lập biểu****Kế toán trưởng***Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015***Tổng Giám đốc****Trần Thị Phương Hiền****Ngô Thị Minh Nguyệt****Trần Huy Tường**